

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HS-PT

Ngày 16 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- T6 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hải.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Ngọc Tiếp và bà Nguyễn Thị Thanh Nga.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Lương Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Việt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11, 16 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 123/2023/TLPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Sinh L, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 85/2023/HSST ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Sinh L, tên gọi khác: Không, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1966 tại huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKTT: Khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Phòng B, Chung cư C, khối H, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sinh Đ và bà Nguyễn Thị N; có vợ Lê Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2021 đến ngày 07/01/2022 được trả tự do, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Sinh L:

+ Ông Trần Đình T2, Luật sư của Văn phòng luật sư V, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Số B, ngõ H, phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt khi tuyên án.

+ Ông Nguyễn Cao T3, ông Nguyễn Trung T4 và bà Lê Thị Mỹ H - Luật sư của Văn phòng luật sư C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh N; ông T3, ông T4 có mặt; bà H vắng mặt khi tuyên án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1977; địa chỉ: Số nhà B, ngõ H, đường H, khối 4, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Lê Thị T5, sinh năm 1985; địa chỉ: Số nhà 7, ngõ 249, đường H, khối 4, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt khi tuyên án.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Ông Trần Trung K - Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Trần Văn N - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Ngoài ra trong vụ án còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu điều tra và cáo trạng, hành vi bị cáo được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 10/12/2018 đến ngày 10/5/2021, tại thành phố V, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Sinh L đã cho người khác vay tiền với mức lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày đến 12.319 đồng/1.000.000 đồng/ngày nhằm thu lợi bất chính. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, L sử dụng 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0912.479.066 của mình liên hệ với người vay tiền. Để nhận tiền và chuyển tiền cho người vay, L sử dụng các tài khoản ngân hàng mang tên Nguyễn Sinh L, gồm tài khoản số 20440457 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín (Vietbank), tài khoản số 87928066666 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á và tài khoản số 51010001112738 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV).

Quá trình điều tra xác định, từ ngày 10/12/2018 đến thời điểm bị bắt, Nguyễn Sinh L đã cho anh Nguyễn Trọng T1 (sinh ngày 29/5/1977, trú tại khối 4, phường H, thành phố V) và vợ chồng chị Lê Thị Hồng Gấm (sinh ngày 12/12/1973), anh Hồ Sỹ T6 (sinh ngày 02/4/1968), cùng trú tại khối 14, phường H, thành phố V nhiều lần vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

Ngày 10/12/2018, anh Nguyễn Trọng T1 vay Nguyễn Sinh L số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 108%/năm (cao gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định). L đưa tiền trực tiếp cho anh T1. Tính đến ngày 28/4/2020, anh T1 đã trả cho L tổng số tiền 604.475.000 đồng (sáu trăm linh tư triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) bằng hình thức nộp tiền vào tài khoản ngân hàng số 20440457 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam thương tín (Vietbank) và tài khoản ngân hàng số 51010001112738 mở tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), đều mang tên Nguyễn Sinh L hoặc trực tiếp đưa tiền cho L. Trong đó bao gồm 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền vay gốc và 454.475.000 đồng (bốn trăm năm mươi tư triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền lãi của 505 ngày lãi. Hiện nay, anh T1 còn nợ L số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Đối với khoản vay này, Nguyễn Sinh L được hưởng số tiền lãi theo quy định là $(300.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / \text{năm} \div 365 \text{ ngày}) \times 505 \text{ ngày lãi} = 84.166.667 \text{ đồng}$ (tám mươi tư triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Nguyễn Sinh L hưởng lãi suất quá quy định và thu lợi bất chính số tiền là $454.475.000 \text{ đồng} - 84.166.667 \text{ đồng} = 370.308.333 \text{ đồng}$ (ba trăm bảy mươi triệu, ba trăm linh tám nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện VKSND thành phố V rút phần Quyết định truy tố đối với hành vi cho vay giữa Nguyễn Sinh L và chị Lê Thị Hồng Gấm, anh Hồ Sỹ T6, rút tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 2 lần” quy định điểm g khoản 2 điều 52 BLHS. Và tính lại số tiền đối với hành vi cho vay giữa bị cáo Nguyễn Sinh L anh Nguyễn Trọng T1.

Bản án hình sự sơ thẩm kết luận về hành vi bị cáo:

Nguyễn Sinh L cho anh Nguyễn Trọng T1 vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) từ ngày 10/01/2019 đến ngày 30/10/2019 đã thu lãi suất 270.000.000 đồng, với lãi suất với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 103,8%/năm (cao gấp 5,19 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định). Hình thức trả tiền lãi qua tài khoản của L số 51010001112738 tại Ngân hàng BIDV, tài khoản 20440457 tại Ngân hàng Vietcombank và trả trực tiếp thì Nguyễn Sinh L đã thu lợi bất chính số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Từ ngày 10/12/2018 đến ngày 10/01/2019 bị cáo cho ông Nguyễn Trọng T1 vay số tiền 300.000.000 đồng thu lãi suất 12.000.000 đồng tương đương với 46% nên chưa đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 85/2023/HSST ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Tòa án Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 điều 201, điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS, xử phạt: Nguyễn Sinh L 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 BLHS: Buộc bị cáo Nguyễn Sinh L trả lại cho anh Nguyễn Trọng T1 số tiền 216.000.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu đồng).

Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 47 BLHS, điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 điều 106 BLTTHS: Truy thu ở bị cáo Nguyễn Sinh L số tiền 192.511.000 đồng (Một trăm chín hai triệu, năm trăm mười một ngàn đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước. Truy thu số tiền thu lợi bất chính 54.000.000 đồng (Năm mươi tư triệu đồng) ở bị cáo Nguyễn Sinh L để nộp ngân sách nhà nước. Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 107.489.000 đồng (Một trăm linh bảy triệu, bốn trăm tám chín ngàn đồng) ở anh Nguyễn Trọng T1.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử lý vật chứng khác, án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/4/2023, bị cáo Nguyễn Sinh L kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm cả về nội dung và tố tụng giải quyết. Bị cáo cho rằng bản án kết tội oan, có dấu hiệu hình sự hóa quan hệ dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo được gửi trong thời hạn luật định, chủ thể của việc kháng cáo và giới hạn của việc kháng cáo đúng quy định của pháp luật, nên chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án gồm:

+ Kết quả khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo (Bút lục số 13, 14), **thể hiện có thu giữ bản gốc (BL 178) về việc anh Nguyễn Trọng T1 vay Nguyễn Sinh L 310.000.000 đồng; qua giám định đúng chữ viết, chữ ký của Nguyễn Sinh L trên tài liệu này.**

+ Tài liệu liên quan về việc anh Nguyễn Trọng T1 vay 300.000.000 đồng, do anh T1 giao nộp ngày 09/11/2021 (BL số 157 đến BL 178), **thể hiện có thu giữ bản gốc (BL 159 đến BL 61) giấy hẹn trả nợ, giấy nộp tiền mặt;**

+ Bảng thông kê chi tiết các giao dịch của bị cáo trong vụ án, bị cáo ký xác nhận ngày 07/10/2021 (BL số 179); Sao kê tài khoản Vietbank (ngân hàng Việt Nam Thương Tín) của bị cáo đến hết ngày 15/10/2021 (BL số 186 - 206);

+ Lời khai người có QLNVLQĐVA Nguyễn Trọng T1 (BL 290 - 303); Các bản tự khai, Biên bản ghi lời khai, hỏi cung bị cáo (Bút lục số 304 - 332);

+ Kết quả điều tra bổ sung của CQ CSĐT Công an TP. V, **thể hiện tại Biên bản ghi lời khai anh T1 - BL 662 đến 666, chi tiết tại BL 665, 666 .**

+ Tại Biên bản hỏi cung bị can hồi 15 giờ ngày 15/6/2022, tại CQ CSĐT Công an TP. V do ĐTV Trần Trung Kiên lập, có sự tham gia của **KSV Trần Văn N và Luật sư Lê Thị Kim S** (BL số 697 - 699): Bị cáo khai “Tôi chưa yêu cầu ai ngoài chị Lê Thị Kim S, sinh năm 1977- luật sư VP luật sư L- Đoàn luật sư tỉnh N tham gia bảo vệ quyền và nghĩa vụ của tôi trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Nếu sau này yêu cầu ai khác, tôi sẽ đề nghị sau./. **Trước đây tôi đã thừa nhận với Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thành phố V về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.**

+ Tại Biên bản hỏi cung bị can hồi 08 giờ ngày 04/7/2022, tại CQ CSĐT Công an TP. V do ĐTV Trần Trung Kiên lập, có sự tham gia của **KSV Trần Văn N và Luật sư Phạm Thế H** (BL số 703 - 706): Bị cáo khai “**Những lời khai tôi đã làm việc với Cơ quan CSĐT Công an TP V ngày 15/6/2022 là hoàn toàn đúng sự thật, khách quan, tôi không có bất kỳ thay đổi nào**”.

*Trên cơ sở các chứng cứ và tài liệu nêu trên, có đủ căn cứ khẳng định bị cáo Nguyễn Sinh L đã cho anh Nguyễn Trọng T1 vay số tiền 300.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 108%/năm. Nguyễn Sinh L đã thu lợi bất chính số tiền **270.000.000 đồng (bao gồm tính đến tháng 11/2019, T1 chuyển khoản qua ngân hàng 141.015.800 đồng và trả tiền mặt 128.984.200 đồng).***

Như vậy việc cấp sơ thẩm kết tội bị cáo phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự là không có oan sai.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 355, Điều 356 BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm. Theo đó:

+ Áp dụng khoản 2 điều 201; điểm i, x, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS, xử phạt Nguyễn Sinh L 200 triệu đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn Trọng T1 216.000.000 đồng; truy thu 192.511.000 tiền gốc là phương tiện thực hiện tội phạm; truy thu 54.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

+ Truy thu 107.489.000 đồng là số tiền dùng làm phương tiện phạm tội của Nguyễn Sinh L, hiện do anh Nguyễn Trọng T1 đang quản lý, chưa trả tiền vay gốc cho Nguyễn Sinh L.

Ý kiến các Luật sư bào chữa cho bị cáo:

Về tố tụng: Luật sư cho rằng quá trình lấy lời khai hỏi cung bị cáo ép cung, mớm cung. Việc khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị can không đúng quy định pháp luật, việc thu thập tài liệu, chứng cứ của Cơ quan điều tra không khách quan, việc trích xuất dữ liệu điện tử chuyển hóa thành chứng cứ không đúng quy định, Kết luận giám định số 3730/KL-KTHS ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an không đúng, có nhiều dấu hiệu khuất tất.

Về hành vi của bị cáo: Các luật sư cho rằng việc xác định số tiền vay 300.000.000 đồng, 310.000.000 đồng, 312.000.000 đồng hay 339.000.000 đồng chưa được làm rõ. Xác định ngày vay 505 ngày hay nhiều hơn 505 ngày không có cơ sở, trong khi đó các tháng trong năm có khi có tháng 28 ngày, 29 ngày, 30 ngày và 31 ngày. Từ đó xác định lãi suất bị cáo cho Nguyễn Trọng T1 vay là dưới 100% năm nên bị cáo không phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Các luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự hủy bản án hình sự sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tranh luận: Không đồng ý với lời bào chữa của các luật sư, cho rằng bị cáo L có hành vi viết thêm trên các nội dung anh và vợ anh xác nhận nợ, viết sau khi có chữ ký của anh và vợ anh để buộc 2 vợ chồng phải trả số tiền. Anh T1 khẳng định anh vay duy nhất bị cáo L số tiền gốc 300.000.000, lãi suất 3000 đ/1.000.000/ ngày, anh đã trả số tiền 604.475.000 đồng (sáu trăm linh tư triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) trong đó bao gồm 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền vay gốc. Hiện nay, bị cáo L còn đòi anh số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) thể hiện trong tin nhắn điện thoại mà cơ quan điều tra đã trích xuất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng :

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Sinh L làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm: Bị cáo L và các luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng vụ án có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như quá trình điều tra, bị điều tra viên mớm cung, dụ cung và đọc cho bị cáo viết lời khai nhận tội, tuy nhiên, Tại bản tường trình (BL số 327) do bị cáo tự viết có nội dung: *quá trình làm việc với cơ quan Công an không bị đánh đập, ép buộc gì. Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật, khách quan và cam kết không thay đổi lời khai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.* Tài liệu điều tra thể hiện bị cáo đã được Điều tra viên, Kiểm sát viên giải thích các quyền và nghĩa vụ tố tụng nhưng bị cáo không có bất kỳ ý kiến khiếu nại gì đến hành vi tố tụng của Điều tra viên thực hiện trong quá trình lấy lời khai, hỏi cung bị can.

Tại các phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thay đổi lời khai ban đầu, cho rằng không thực hiện các hành vi như các biên bản lấy lời khai, bản tự khai bị cáo viết và không thừa nhận toàn bộ các tình tiết, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án; xuất trình thêm chứng cứ, tài liệu mới; khiếu nại về sự vi phạm của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và người tiến hành tố tụng về việc khởi tố, bắt giam, điều tra, truy tố. Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để tiến hành điều tra xác minh bổ sung, đối chất, giám định các tài liệu chứng cứ bị cáo xuất trình thêm là đã đảm bảo cho bị cáo thực hiện đầy đủ các quyền mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định, đảm bảo vụ án được điều tra khách quan, đúng quy định pháp luật.

Xét tài liệu điều tra bổ sung đã có đủ căn cứ xác định người phạm tội, hành vi bị cáo thực hiện, ý thức chủ quan của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo và luật sư bào chữa không xuất trình được thêm tài liệu chứng cứ chứng minh việc vi phạm nghiêm trọng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện trong vụ án được đánh giá là hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Sinh L không thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết; bị cáo không cho vay lãi nặng đối với anh Nguyễn Trọng T1 mà chỉ góp tiền hợp tác đầu tư và không lấy tiền lãi, đưa cho anh Nguyễn Trọng T1 và chị Lê Thị T5 số tiền 979.000.000 đồng và 20.000 USD để xin chạy dự án 0,36 ha đất tại xóm Mỹ Hậu, xã Hưng Đông, thành phố V. Hiện nay vợ chồng anh T1, chị T5 còn nợ bị cáo số tiền 979.000.000 đồng và 20.000 USD, bị cáo buộc 2 người phải trả lại số tiền này. Chứng cứ bị cáo xuất trình gồm 01 (một) giấy nhận tiền và cam kết làm xong hoàn chỉnh dự án cho ông Nguyễn Sinh L

(ghi vào lúc 16 giờ ngày 10/10/2019) giữa người vay tiền Lê Thị T5 và người cho vay tiền Nguyễn Sinh L; 01 (một) giấy cầm tiền mặt để cùng hợp tác cùng làm ăn với nhau lập ngày 10/10/2019 được lập giữa người vay tiền Nguyễn Trọng T1 và người cho vay Nguyễn Sinh L.

Anh Nguyễn Trọng T1 và chị Lê Thị T5 phủ nhận lời khai này của bị cáo, không thừa nhận 02 chứng cứ nêu trên do bị cáo xuất trình và cho rằng bị cáo L đã viết thêm và viết sau khi có bút tích chữ ký của anh T1, chị T5.

Tại kết luận giám định số 3730/KL-KTHS ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an về các tài liệu này đã kết luận :

- Chữ ký đứng tên Lê Thị T5 và các chữ “Lê Thị T5” tại dòng chữ viết thứ 20 tính từ trên xuống dưới mục “Người vay tiền” trên trang 2 của “giấy nhận tiền và cam kết làm xong hoàn chỉnh dự án cho ông Nguyễn Sinh L (ghi vào lúc 16 giờ ngày 10/10/2019) giữa người vay tiền Lê Thị T5 và người cho vay tiền Nguyễn Sinh L” so với chữ ký, chữ viết của Lê Thị T5 trên các mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

- Các chữ “Lê Thị T5” tại dòng chữ viết thứ 23 tính từ trên xuống dưới mục “Người vay tiền” trên trang 2 của “giấy nhận tiền và cam kết làm xong hoàn chỉnh dự án cho ông Nguyễn Sinh L (ghi vào lúc 16 giờ ngày 10/10/2019) giữa người vay tiền Lê Thị T5 và người cho vay tiền Nguyễn Sinh L” so với chữ viết của Lê Thị T5 trên các mẫu so sánh không phải do cùng một người viết ra.

- ⁽¹⁾Không đủ cơ sở kết luận các chữ: “Ngày 10”, “12/2018 DL” ở dòng chữ viết thứ 6; “vợ chồng”, “Ng~” ở dòng chữ viết thứ 8; “Lê Thị T5” ở dòng chữ viết thứ 9; “đã vay và nhận đủ số tiền 310 000 000đ” ở dòng chữ viết thứ 11; “Ba trăm mười triệu đồng chẵn” ở dòng chữ viết thứ 12; “Người vay tiền” ở dòng chữ viết thứ 19; “Lê Thị T5” ở dòng chữ viết thứ 23 tính từ trên xuống trên trang 2 của “giấy nhận tiền và cam kết làm xong hoàn chỉnh dự án cho ông Nguyễn Sinh L (ghi vào lúc 16 giờ ngày 10/10/2019) giữa người vay tiền Lê Thị T5 và người cho vay tiền Nguyễn Sinh L” được viết trước hay sau khi có chữ viết “Lê Thị T5”, chữ ký mang tên Lê Thị T5 ở dòng chữ viết thứ 20, 21 tính từ trên xuống trên trang 2.

- Các chữ viết ở trang 1, các chữ viết ở trang 2 (trừ các chữ đã kết luận tại mục ⁽¹⁾) trên “giấy nhận tiền và cam kết làm xong hoàn chỉnh dự án cho ông Nguyễn Sinh L (ghi vào lúc 16 giờ ngày 10/10/2019) giữa người vay tiền Lê Thị T5 và người cho vay tiền Nguyễn Sinh L” được viết sau khi đã có chữ viết “Lê Thị T5”, chữ ký mang tên Lê Thị T5 ở dòng chữ viết thứ 20, 21 tính từ trên xuống trên trang 2.

- Các chữ viết ở trang 1, các chữ viết ở trang 2 (trừ các chữ đã kết luận tại

mục ⁽¹⁾) trên “giấy nhận tiền và cam kết làm xong hoàn chỉnh dự án cho ông Nguyễn Sinh L (ghi vào lúc 16 giờ ngày 10/10/2019) giữa người vay tiền Lê Thị T5 và người cho vay tiền Nguyễn Sinh L” là các chữ viết thêm.

Đối với giấy cầm tiền mặt để cùng hợp tác cùng làm ăn với nhau lập ngày 10/10/2019 được lập giữa người vay tiền Nguyễn Trọng T1 và người cho vay Nguyễn Sinh L.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Trọng T1 dưới mục “Người vay tiền đã nhận đủ” trên trang 2 của “giấy cầm tiền mặt để cùng hợp tác cùng làm ăn với nhau lập ngày 10/10/2019 được lập giữa người vay tiền Nguyễn Trọng T1 và người cho vay Nguyễn Sinh L” so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Trọng T1 trên các mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

- ⁽²⁾Không đủ cơ sở kết luận các chữ “Nguyễn Trọng T1 vay anh Nguyễn Sinh L 349 000 000 đồng (Ba trăm Bốn mươi chín triệu VNĐ chẵn)” ở dòng chữ viết thứ 6, 7; “Hẹn Ngày 22/11/2019 DL tức thứ 6 ông Trọng T1 sẽ trả 22.000.000 (hai mươi Hai triệu đồng chẵn)” ở dòng chữ viết thứ 10 đến 12; “và Hẹn đúng Ngày 29/11/2019 DL cuối tháng Này Sẽ trả số tiền còn lại là 327.000.000đ (Ba trăm Hai Mươi Bảy triệu đồng chẵn)” ở dòng chữ viết thứ 14 đến 16; “Người Vay Tiền” ở dòng chữ viết thứ 19 tính từ trên xuống trên trang 2 của “giấy cầm tiền mặt để cùng hợp tác cùng làm ăn với nhau lập ngày 10/10/2019 được lập giữa người vay tiền Nguyễn Trọng T1 và người cho vay Nguyễn Sinh L” được viết trước hay sau khi có chữ ký mang tên Nguyễn Trọng T1, các chữ viết “Ng~ Trọng T1” ở dòng chữ viết thứ 21, 22 tính từ trên xuống trên trang 2.

- Các chữ viết ở trang 1, các chữ viết ở trang 2 (trừ các chữ đã kết luận tại mục ⁽²⁾) trên “giấy cầm tiền mặt để cùng hợp tác cùng làm ăn với nhau lập ngày 10/10/2019 được lập giữa người vay tiền Nguyễn Trọng T1 và người cho vay Nguyễn Sinh L” được viết sau khi đã có chữ ký mang tên Nguyễn Trọng T1, các chữ viết “Ng~ Trọng T1” ở dòng chữ viết thứ 21, 22 tính từ trên xuống trên trang 2.

- Các chữ viết ở trang 1, các chữ viết ở trang 2 (trừ các chữ đã kết luận tại mục ⁽²⁾) trên “giấy cầm tiền mặt để cùng hợp tác cùng làm ăn với nhau lập ngày 10/10/2019 được lập giữa người vay tiền Nguyễn Trọng T1 và người cho vay Nguyễn Sinh L” là các chữ viết thêm

Từ các chứng cứ nêu trên không có đủ căn cứ để xác định bị cáo Nguyễn Sinh L và anh Nguyễn Trọng T1 có giao dịch hợp tác làm ăn và chạy dự án 0,36 ha chỉ góp tiền hợp tác đầu tư vợ chồng ông Nguyễn Trọng T1 và không lấy tiền lãi, đưa cho anh Nguyễn Trọng T1 và chị Lê Thị T5 số tiền 979.000.000 đồng và

20.000 USD để xin chạy dự án như bị cáo khai.

[3] Tại phiên tòa, NCQLNVLQ (người vay tiền) anh Nguyễn Trọng T1 khai với nội dung: vào ngày 10/12/2018 anh có vay của Nguyễn Sinh L số tiền 300.000.000 đồng hạn đến ngày 30/12/2018 trả số tiền 310.000.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng là lãi suất từ ngày 10/12/2018 đến 30/12/2018. Đến ngày 10/01/2019 do chưa có tiền nên anh L yêu cầu viết giấy vay tiền với số tiền 312.000.000. Khoảng 2-3 ngày sau, do anh T1 không có tiền trả nên bị cáo L yêu cầu phải trả lãi suất 3000đ/1.000.000/ ngày (lãi suất chỉ thỏa thuận miệng, không ghi trong giấy vay).

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với các chứng cứ thu thập được là Giấy vay tiền mặt (BL 175), Giấy vay tiền (BL 161), và Giấy hạn trả nợ (BL 159) phù hợp với Lời khai nhận tội của bị cáo L ở tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can, trong giai đoạn điều tra (BL304-322) trong đó có thể hiện nội dung Nguyễn Sinh L thừa nhận cho anh T1, chị T5 vay 300.000.000 đồng với lãi suất 3000đ/1.000.000/ ngày.

Các tài liệu: Giấy vay tiền (BL 161), và Giấy hạn trả nợ (BL 159), Giấy viết ô ly vở học sinh có bút tích bị cáo L ngày 16/9/2019DL (BL 160) đã được Cơ quan điều tra trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định số: 245/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nghệ An kết luận:

- Chữ viết có nội dung “Tôi Nguyễn Sinh L... Số tiền còn lại” tại mặt sau của “GIẤY HẠN TRẢ NỢ” so với chữ viết của Nguyễn Sinh L trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký, chữ viết trên tờ giấy ô ly có nội dung “V, ngày 19/6/2019DL... tôi Nguyễn Sinh L” so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Sinh L trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết trên “Giấy vay tiền” so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Sinh L trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Từ các tài liệu, chứng cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định giữa bị cáo L và anh T1 có thiết lập giao dịch dân sự là hợp đồng vay tài sản (vay tiền) với số tiền vay 300 triệu vào ngày 12/10/2018, lãi suất quy định 3000 đ/1 triệu/ngày (mức lãi suất này tính từ tháng 1/2019).

[4] Về số tiền anh Nguyễn Trọng T1 đã trả cho bị cáo L: Lời khai anh Nguyễn Trọng T1 khẳng định từ ngày 10/12/2018 đến ngày 28/4/2020 đã trả cho bị cáo L số tiền 604.475.000đ, trong đó có 150.000.000 đồng tiền gốc và 454.475.000 đồng tiền lãi; tại Bảng thống kê chi tiết giao dịch của Nguyễn Sinh

L trong vụ án, Nguyễn Sinh L đã ký thừa nhận nội dung này (BL 179) phù hợp với Biên bản hỏi cung (BL 316) và bản tự khai Nguyễn Sinh L (BL 327); Căn cứ vào Giấy hẹn trả nợ (BL 159), lời khai của anh Nguyễn Trọng T1, có cơ sở xác định thời gian từ 10/1/2019 đến 30/9/2019 anh T1 đã trả lãi bình quân mỗi tháng 27.000.000 đồng, tổng 270.000.000 đồng.

[5] Từ các chứng cứ đã phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để kết luận nội dung như sau:

Ngày 10/12/2018, Nguyễn Sinh L đã cho anh Nguyễn Trọng T1 vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (mức lãi suất này tính từ ngày 10/01/2019), tương đương 108%/năm (cao gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định).

Từ ngày 10/01/2019 đến ngày 30/10/2019, thì Nguyễn Sinh L đã thu lãi số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Hình thức trả tiền lãi qua tài khoản của L số 51010001112738 tại Ngân hàng BIDV, tài khoản 20440457 tại Ngân hàng Vietcombank và trả trực tiếp .

Nguyễn Sinh L được hưởng số tiền lãi theo quy định là $(300.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / \text{năm} \div 365 \text{ ngày}) \times \text{ngày lãi} = 54.000.000 \text{ đồng}$ (Năm mươi tư triệu đồng). Nguyễn Sinh L hưởng lãi suất quá quy định và thu lợi bất chính số tiền là $270.000.000 \text{ đồng} - 54.000.000 \text{ đồng} = 216.000.000 \text{ đồng}$ (Hai trăm mười sáu triệu đồng).

Bản án sơ thẩm xác định mức lãi suất tương đương 103%/năm (cao gấp 5,13 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật Dân sự quy định) là có nhầm lẫn trong cách tính, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6] Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội danh và khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định: “2. Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[7] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tín dụng, ngân hàng, xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân, mọi hành vi cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính đều phải bị xử lý nghiêm; bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết cho vay lãi nặng là trái pháp luật; bị cáo đã lợi dụng người đi vay tiền đang cần tiền giải quyết công việc trong cuộc sống cho vay với mức lãi suất cao hơn nhiều lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm

2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội, không bị oan.

[8] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bản thân là thương binh hạng $\frac{3}{4}$; được tặng Kỷ niệm chương của Mặt trận Việt Nam - Hà Tuyên; năm 2000, năm 2001 và năm 2003 được Ủy ban nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An tặng Giấy khen; Ông, bà nội là người có công với cách mạng, các tình tiết đó được quy định tại điểm i, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là đúng pháp luật.

Vì vậy, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội; Cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tiền, xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm khoản 2 Điều 201 BLHS là có căn cứ.

[9] Về ý kiến của các luật sư bào chữa cho bị cáo:

Các luật sư nêu ra các vi phạm tố tụng của Cơ quan Công an thành phố V, của Điều tra viên trong quá trình khám xét, bắt giữ, hỏi cung bị can, thu thập tài liệu chứng cứ nhưng không đưa ra được các căn cứ chứng minh; có một số nội dung suy diễn, không liên quan, nằm ngoài tố tụng vụ án nên không có căn cứ để xem xét.

Các luật sư yêu cầu xác định lãi suất bị cáo cho vay (làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự) trên cơ sở số tiền lãi thực tế thu được chia cho số ngày vay. Theo quy định, lãi suất là sự thỏa thuận của bên cho vay và bên vay khi thiết lập giao dịch vay mượn. Trong vụ án này, có đủ căn cứ để khẳng định bên vay đã trả lãi 3000 đ/1.000.000/ngày kể từ tháng 01/2019; Trên cơ sở xác định số tiền vay, mức lãi suất, số tiền lãi thực tế bị cáo đã thu trong khoảng thời gian 10/1/2019 đến 30/9/2019, có căn cứ để xác định số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 216.000.000 đồng.

[10] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ để xem xét.

[11] Về vật chứng:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen bên trong gắn thẻ sim số 0912479066 thu giữ của bị cáo được xác định là phương tiện phạm tội cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với thẻ ATM số 5119570174488105 mang tên Nguyễn Sinh L do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) phát hành cho cá nhân sử dụng nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 300.000.000 đồng mà bị cáo sử dụng cho vay được xác định là phương tiện phạm tội cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định anh Nguyễn Trọng T1 đã trả cho bị cáo 192.511.000 đồng được trừ vào số tiền gốc; Số tiền còn lại 107.489.000 đồng hiện anh T1 đang giữ nên truy thu tại anh T1 để nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi suất tương ứng 20%/1năm/300.000.000 đồng kể từ ngày 10/01/2019 đến ngày 30/10/2019 là 54.000.000 đồng được xác định là tiền thu lợi bất chính cần truy thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền lãi suất vượt quá 20%/năm/ 300.000.000 đồng kể từ ngày đến ngày 10/01/2019 đến ngày 30/10/2019 là 216.000.000đ đồng được xác định là tài sản của anh Nguyễn Trọng T1. Anh T1 đã trả cho bị cáo Nguyễn Sinh L nên cần buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn Trọng T1.

[12] Về án phí: Bị cáo là thương binh, người có công với cách mạng nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Sinh L 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Sinh L trả lại cho anh Nguyễn Trọng T1 số tiền 216.000.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu đồng).

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Truy thu ở bị cáo Nguyễn Sinh L số tiền 192.511.000đồng (Một trăm chín hai triệu, năm trăm mười một ngàn đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước. Truy thu số tiền thu lợi bất chính 54.000.000đồng (Năm mươi tư triệu đồng) ở bị cáo Nguyễn Sinh L để nộp ngân sách nhà nước. Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 107.489.000đồng (Một trăm linh bảy triệu, bốn trăm tám chín ngàn đồng) ở anh Nguyễn Trọng T1. Tịch thu hóa giá

nộp Ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen bên trong gắn thẻ sim số 0912.479.066 của bị cáo. Tuyên trả cho bị cáo 01 thẻ ATM số 5119570174488105 mang tên Nguyễn Sinh L do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) phát hành các vật chứng này hiện có tại kho tang vật Chi cục thi hành án thành phố V theo phiếu nhập kho số NK2022/71 ngày 01/3/2022. Tuyên trả cho anh Nguyễn Trọng T1 01 điện thoại di động NOKIA hiện có tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự T6 phố V theo phiếu nhập kho vật chứng số NK2022/242 ngày 16/8/2022.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm cho bị cáo Nguyễn Sinh L.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện thành phố V;
- VKSND, Công an thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Phòng PV06, CA tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo, NLQ;
- Lưu Tòa Hình sự, VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Hải